

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD1+RP2+PVD1	7:25	21+1+0	0+0+0		0+4+18	0+0+0	Chuyen 4 PVD1- RP2Chuyen 4 RP2-PVD1
2		TD5+PPD+BK4	7:25	20+0+0	0+0+0		12+9+0	0+0+0	Chuyen 1 P2- bk4
3		MRM+TD2	9:25	19+0	0+0		17+5	0+0	
4		PVD1+RC5+RP3	9:25	20+1+0	0+0+0		13+1+8	0+0+0	Chuyen 2 PVD1- RP3
5		BK3+TD5	11:25	9+10	0+0		0+22	0+0	
6		VSP02+BK10+P9	11:25	14+4+4	0+0+0		10+8+4	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/2 nguoi Rp2 chuyen sang PVD1 sau đó từ PVD1 sang RP3 chuyển sau



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PVD1 - RP2 - PVD1.	CREW: VThắng - Mạnh - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÌNH MINH	PVD1	93	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGÔ VIỆT PHƯƠNG	PVD1	92	1	11		91	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NAM	PVD1	98	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
4	VÔ VĂN SƠN	PVD1	14,91	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN ĐĂNG HUÂN	PVD1	96-97	2	26		78	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH HÙNG	PVD1	99,3000	2	21		50	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CUÔNG	PVD1	94-95	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
8	ROBERT SEAN HARRIS	PVD1	05-06	2	14		89	PVD DD	British
9	NGÔ SỸ THUẬN	PVD1	01	1	10		65	PVD DD	Vietnamese
10	HOÀNG HỮU BÌNH	PVD1	07	1	10		72	PVD DD	Vietnamese
11	PHẠM THỂ LAM	PVD1	12	1	10		80	PVDO	Vietnamese
12	VŨ ĐỨC CĂN	PVD1	08-09	2	19		80	PVDO	Vietnamese
13	LÊ VIỆT THỨC	PVD1	54	1	5		82	PVDO	Vietnamese
14	HỒ ĐẠI PHƯƠNG	PVD1	55	1	5		75	PVDO	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG HOÀ	PVD1	11	1	8		61	PVDO	Vietnamese
16	LÊ XUÂN THIÊN	PVD1	02	1	6		75	PVDO	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC HAI	PVD1	03	1	7		74	PVDO	Vietnamese
18	TRẦN VĂN CHUNG	PVD1	56	1	5		60	PVDO	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD1	10	1	9		65	PVDO	Vietnamese
20	NGUYỄN CAO TUẤN	PVD1	13	1	5		55	PVDO	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	PVD1	04	1	6		60	PVDO	Vietnamese
22	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	20-21	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	21	27	230	1.467	0	0-16		CHUYEN 4 PAX PVD1-RP2 CHUYEN 4 PAX RP2- PVD1.
2	RP2	1	2	15	60	0	4-10		
3	PVD1.	0	0	0	0	0	18		
TOTAL		22	29	245	1.527	0	22		
WEIGHT KG				245	1.527	0			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2022	TO: TD5 - PPD - BK4	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐNam - QTrưởng	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	53	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
2	ASKAROV DENIS	TD5	51	1	5		85	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	55	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
4	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	57	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN BA HOÀ	TD5	60	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HOÀ	TD5	56	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÌNH	TD5	54	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ANH	TD5	61	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ LONG PHI	TD5	80	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	68	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM TIẾN CHUNG	TD5	78-79	2	10		82	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD5	62	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	TD5	81	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
14	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	52	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	82-83	2	15		70	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD5	84	1	5		65	DVL	Vietnamese
17	PHẠM VĂN SANG	TD5	65-66	2	18		70	DVL	Vietnamese
18	VŨ CHÍ THANH	TD5	58-59	2	18		75	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NAM (CN)	TD5	63-64	2	18		70	DVL	Vietnamese
20	TÔNG TIẾN QUANG	TD5	67	1	15		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	20	25	184	1.472	0	12		chuyen 01 pax tu ppd sang bk4.
2	PPD	0	0	0	0	5	9	1	
3	BK4	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		20	25	184	1.472	5	21		
WEIGHT KG				184	1.472	5			

GRAND TOAL: 1.661 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: MRM - TD2	CREW: VThắng - Mạnh - NNam	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	USMANOV ALBERT	MRM	58-59	2	18		117	AMNGR	Russian
2	SHABAKANOV MARAT	MRM	63	1	17		70	AMNGR	Russian
3	TROIANOV DMITRII	MRM	67	1	10		85	AMNGR	Russian
4	KULIK VIACHESLAV	MRM	70-71	2	17		70	AMNGR	Russian
5	GVOZDEV ALEKSEI	MRM	62	1	12		88	AMNGR	Russian
6	SUVOROV IURII	MRM	68-69	2	18		125	AMNGR	Russian
7	PIMAKIN OLEG	MRM	56-57	2	18		115	AMNGR	Russian
8	NABOKOV ANDREY	MRM	65-66	2	15		85	AMNGR	Russian
9	ZASTAVNYI VASILII	MRM	64	1	10		70	AMNGR	Russian
10	SHAKIN MIKHAIL	MRM	54-55	2	18		83	AMNGR	Russian
11	LÊ VĂN HUY	MRM	51	1	10		67	HONG HA	Vietnamese
12	HỒ TRỊ	MRM	72	1	12		56	HONG HA	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT THÁI	MRM	61	1	11		50	HONG HA	Vietnamese
14	TÀ THAI DƯƠNG	MRM	60	1	7		50	HONG HA	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	MRM	52-53	2	18		86	HALLIBURTON	Vietnamese
16	TRẦN HƯA TUÂN	MRM	48-49	2	18		65	HALLIBURTON	Vietnamese
17	DƯƠNG VIỆT DUNG	MRM	50	1	5		50	PSV	Vietnamese
18	DOAN VAN AN	MRM	73	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	18	26	241	1.402	0	17		
2	TD2	0	0	0	0	15	5		
TOTAL		18	26	241	1.402	15	22		
WEIGHT KG				241	1.402	15			

GRAND TOTAL: 1.658 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2022	TO: PVD1 - RC5 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐNam - QTrường	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ANH SƠN	PVD1	66	1	5		79	PVDO	Vietnamese
2	CHU VĂN TUỐC	PVD1	83	1	8		73	INTL.SOS	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐÌNH KHAI	PVD1	84	1	13		74	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN ANH	PVD1	59-60	2	10		81	PVDWS	Vietnamese
5	TRẦN MINH TIẾN	PVD1	62	1	10		62	PVD INVE\$	Vietnamese
6	LÊ ANH SƠN	PVD1	57-58	2	13		69	DMC-MI	Vietnamese
7	YUKHIMCHUCK	PVD1	85	1	10		72	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	PVD1	61	1	13		74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN QUANG VŨ	PVD1	63	1	17		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN AN NINH	PVD1	82	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN GIA CUONG	PVD1	81	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN MINH TUẤN	PVD1	80	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC THỂ	PVD1	71-72	2	17	15	66	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN TIẾN TRƯỞNG	PVD1	64-65	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ CÔNG BĂNG	PVD1	76-77	2	15	20	65	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN PHÚC	PVD1	67-68	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
17	VÔ QUỐC THANH	PVD1	69-70	2	15		77	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TRẦN TRUNG	PVD1	78-79	2	12		64	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN DÂN	PVD1	73	1	7		66	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM QUANG TRƯỞNG	PVD1	74-75	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ HUY	RC5	37	1	13		80	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

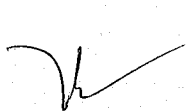
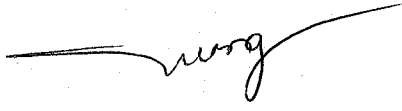
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	20	29	245	1.407	35	13+2		CHUYEN 2 PAX PVD1-RP3
2	RC5	1	1	13	80	0	1		
3	RP3	0	0	0	0	40	8		
TOTAL		21	30	258	1.487	75	22		
WEIGHT KG				258	1.487	75			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 05	TO: BK3 - TD5	CREW: Dương - XHOÀN - DTùng	ETA: 13:40
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	BK3	44	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VĂN CÔNG	BK3	56-57	2	18	15	76	XAYLAP	Vietnamese
3	VŨ ĐÌNH DƯƠNG	BK3	52	1	15	15	67	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH HIẾU	BK3	58	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
5	HA VĂN NHIỆM	BK3	54	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC QUY	BK3	55,51	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
7	TRÌNH VĂN TÚ	BK3	45-46	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN CÔNG ĐỊNH	BK3	49-50	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	BK3	47-48	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC HƯƠNG	TD5	49	1	15		90	DVL	Vietnamese
11	PHẠM TÙNG VỸ	TD5	45	1	15		68	DVL	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TUÔNG	TD5	48	1	10		80	DVL	Vietnamese
13	LƯƠNG MẠNH HẢI	TD5	46-47	2	15		72	DVL	Vietnamese
14	PHẠM QUANG TRUNG	TD5	43	1	15	40	85	DVL	Vietnamese
15	ĐÀO VĂN YẾN	TD5	44	1	10		63	DVL	Vietnamese
16	TRẦN ĐẶC THĂNG	TD5	40	1	8		75	PSV	Vietnamese
17	VƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	TD5	42	1	12		92	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	41	1	7		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	9	14	147	641	30	0		
2	TD5	9	10	107	690	40	22		
TOTAL		18	24	254	1.331	70	22		
WEIGHT KG				254	1.331	70			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2022	TO: VSP02 - BK10 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:05
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.ANH - Huy	ETA: 11:30
TRANG-3			

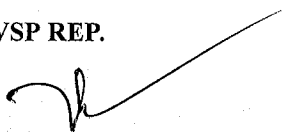
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	58	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
2	POKLPNSKIY ALEXEY	VSP02	70	1	3		81	KH-THAC	Russian
3	HOANG VĂN TRUNG	VSP02	55-56	2	4		79	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP02	69	1	12		77	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	VSP02	65	1	7	35	58	PSV	Vietnamese
6	ĐINH BA THĂNG	VSP02	67-68	2	18		67	PSV	Vietnamese
7	LE ĐĂNG KHOA	VSP02	57	1	6		68	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN HẢI	VSP02	66	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	THẠCH NGỌC HOÀI	VSP02	61-63	3	24		56	BA SON	Vietnamese
10	NGUYỄN HOANG PHÚC	VSP02	73	1	7	20	63	BA SON	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TÀI	VSP02	71-72	2	12		65	BA SON	Vietnamese
12	TRẦN HUU AI	VSP02	64	1	9		57	SHINTRAC	Vietnamese
13	LAM KY	VSP02	60	1	8		75	SHINTRAC	Vietnamese
14	THẠCH HOANG ĐIỀU	VSP02	59	1	5		50	SHINTRAC	Vietnamese
15	VÔ QUỐC TUẤN	BK10	78-79	2	18		84	XAYLAP	Vietnamese
16	LE HOANG LIÊM	BK10	80-81	2	18		83	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	76	1	3	20	71	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN AI	BK10	75	1	3		53	PSV	Vietnamese
19	LE VĂN LINH	P9	300	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN HOÀNG	P9	99	1	15		73	XAYLAP	Vietnamese
21	CAO VĂN TỈNH	P9	85	1	12	15	60	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN HUU TUẤN	P9	83	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

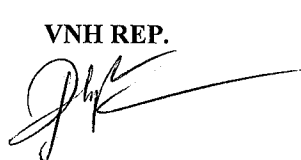
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	14	19	129	924	55	10		
2	BK10	4	6	42	291	20	8		
3	P9	4	4	43	279	15	4		
TOTAL		22	29	214	1.494	90	22		
WEIGHT KG				214	1.494	90			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK8+PPD+BK16	7:25	0+18+1	0+0+0		0+17+2	0+0+0	chuyen 3 BK8-PPD, Chuyen 4 ppd-bk16
2		RC3+RCDM+TD1	7:25	0+0+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 rc3-rcdm
3		CTK3+CLI+PPD	7:25	19+0+3	0+0+0		0+0+22	0+0+0	Chuyen 1 CTK3-CLI
4		T.UNG	7:30	17	0		19	0	
5		P11+BK9+CTK3	09:25	2+5+15	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
6		BK14+P9+AMD	9:25	8+4+6	0+0+0		8+0+14	0+0+0	
7		BK20+PPD+P4	9:25	8+1+13	0+0+0		8+0+14	0+0+0	chuyen 2 ppd-p4
8		HST+TGTH1+AMD	11:25	6+4+7	0+0+0		4+4+11	0+0+0	puma
9		CLI+CTK3+P10	11:25	12+8+2	0+0+0		0+19+1	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/Đi về trong ngày CTK3- 2ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2022	TO: BK8 - PPD - BK16	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LHai - ĐỨC - D Sơn	ETA: 09:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN DŨ	PPD	66	1	8	10	70	YTE	Vietnamese
2	GALLIAMOV	PPD	69	1	5		70	KH-THAC	Russian
3	TRÌNH VĂN NHA	PPD	60-61	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NANG PHONG	PPD	64	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT TIỀN	PPD	54-55	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CAO CUONG	PPD	53	1	17		60	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN ĐẠO	PPD					85	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM LÊ DUONG	PPD	50-51	2	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	BIỆN MINH SƠN	PPD	67	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THANH TRI	PPD	56	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	57	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	63	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	68	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ TRƯỞNG KIẾN	PPD	58-59	2	12		91	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN TIỀN ĐẠT	PPD	52	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ NGỌC SƠN	PPD	62	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ QUANG NINH	PPD					66	KHI	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH CHIẾN	BK16	41	1	5	20	70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	0	0	0	0	20	0+3		CHUYEN 3 PAX TU BK8-PPD
2	PPD	18	19	110	1.291	10	17+4		CHUYEN 4 PAX TU PPD-BK16
3	BK16	1	1	5	70	20	2		
TOTAL		19	20	115	1.361	50	19		
WEIGHT KG				115	1.361	50			

GRAND TOAL: 1.526 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2022	TO: RC3 - RCDM - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ATUẤN - KHOÀN - Huy	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BRATCHIKOV ANDRIY	TD1	02	1	5		90	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN TUYEN	TD1	14	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC QUANG	TD1	07	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	ĐO QUANG LỤC	TD1	20	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN DUY TÂN	TD1	13	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THIEN TUAN	TD1	09	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
7	LẠI ĐỨC LAM	TD1	12	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
8	TRỊNH HỮU NGHĨA	TD1	16	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO NGOC SON	TD1	19	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN PHU	TD1	05-06	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VIỆT THANH	TD1	17	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN PHI HUNG	TD1	18	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
13	BUI QUANG TUYNH	TD1	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	TD1	08	1	1		68	KHOAN	Vietnamese
15	ĐINH SỸ TUÂN	TD1	10-11	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VAN QUYET	TD1	03	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ HỮU HẬU	TD1	04	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	MAKAROV EVGENY	TD1	01	1	10		90	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	0	0	0	0	10	0 + 2		CHUYEN 02 PAX TU RC3 SANG RCDM
2	RCDM	0	0	0	0	0	0		
3	TD1	18	20	129	1.308	0	22		
TOTAL		18	20	129	1.308	10	22		
WEIGHT KG				129	1.308	10			

GRAND TOAL: 1.447 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: CTK3 - CLI - PPD	CREW: Hạnh - NPhú - THỤ - Thành	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỊ MỸ BÌNH	CTK3				20	60	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	CTK3	78	1	8		57	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THỊ HẠNH	CTK3					54	ANTOAN	Vietnamese
4	PHẠM MINH TOÀN	CTK3	86	1	10		60	YTE	Vietnamese
5	ĐINH DUY HUNG	CTK3	76	1	6		84	APAVE	Vietnamese
6	DƯ TRẦN HUNG	CTK3	883-884	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	83	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG HA	CTK3	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3	79-80	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	73	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI KHẮC PHONG	CTK3	87	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HA MINH GIANG	CTK3	81	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	74	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	81	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN DÂN	CTK3	88-89	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	84-85	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN MẠNH HUNG	CTK3	82	1	22		66	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	90	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM ĐỀ	PPD	34	1	15	80	77	XAYLAP	Vietnamese
21	LE VAN NINH	PPD	32-33	2	23		76	CO DIEN	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG TUAN	PPD	29-31	3	26		70	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	21	149	1.362	20	0	0	CHUYEN 1 PAX CTK3-CLI
2	CLI	0	0	0	0	0	0	0	
3	PPD	3	6	64	223	80	22		
TOTAL		22	27	213	1.585	100	22		
WEIGHT KG				213	1.585	100			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	TO: T.UNG	CREW: ĐTrung - Nam	ETA: 10:55
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN LƯU	T.UNG	27-28	2	8		62	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	T.UNG					57	KH-THAC	Vietnamese
3	MAKSIMOV D.S	T.UNG	41	1	9		130	KH-THAC	Russian
4	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	25	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
5	DUƠNG VĂN MẠNH	T.UNG	35-36	2	5		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BÁC	T.UNG	29	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	T.UNG	39-40	2	8		55	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	42	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH BÁC	T.UNG	37-38	2	6		63	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	20	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ THANH TUNG	T.UNG	43-44	2	8		81	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN MINH	T.UNG				24	75	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH DỪNG	T.UNG	21-22	2	15		63	T-TIN	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	T.UNG	23	1	2		67	PSV	Vietnamese
15	ĐỖ ĐẶNG THANH	T.UNG	26	1	2		66	PSV	Vietnamese
16	LE VIET KHANG	T.UNG	19	1	4	40	66	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN HAI HUNG	T.UNG	45	1	5		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	21	85	1.176	64	19		
TOTAL		17	21	85	1.176	64	19		
WEIGHT KG				85	1.176	64			

GRAND TOAL: 1.325 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	TO: P11 - BK9 - CTK3	CREW: LHai - ĐỨC - DSon	ETA: 11:50
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG CUƠNG	P11	37	1	10	17	71	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ HỮU CHÍNH	P11	66	1	14		64	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG NGOC TUNG	BK9	86	1	15		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG CÔNG	BK9	85	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN SƠN TUNG	BK9					73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK9	88	1	4	40	67	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN THỊNH	BK9	87	1	7		63	PSV	Vietnamese
8	BUI SY LONG	CTK3	27	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THANH QUANG	CTK3	22	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	26	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TỬ THĂNG	CTK3	95	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM QUANG THAI	CTK3	99	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN BÌNH	CTK3	23-24	2	14		73	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM QUỐC CUƠNG	CTK3	25	1	6	30	64	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯỜNG VĂN HAI	CTK3	30	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG THIỀU THANH	CTK3	28	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN THANH	CTK3	29	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH THIÊN TUNG	CTK3	18-19	2	16		74	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HỮU BAO	CTK3	96	1	12		91	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3	98	1	14		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	97	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	CTK3	31-32	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	2	2	24	135	17	0		
2	BK9	5	4	38	339	40	4		
3	CTK3	15	18	149	1.088	30	18		
TOTAL		22	24	211	1.562	87	22		
WEIGHT KG				211	1.562	87			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: BK14 - P9 - AMD	CREW: <i>Nguyễn</i> - XHOÀN - Huy	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU THE ANH	BK14	74	1	6	40	74	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN TOAN	BK14	75-76	2	25		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN ANH ĐỨC	BK14	77	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DINH HUY	BK14	78	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN TUYEN	BK14					67	KH-THAC	Vietnamese
6	VO NGOC CHINH	BK14	79	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC XUAN	BK14	71-72	2	10		59	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM NGOC NINH	BK14	73	1	8		76	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN THE TIEN	P9	84-85	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LUONG TUAN ANH	P9	86-87	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VU THUAT	P9	89	1	11		64	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VAN ĐỨC	P9	88	1	11		85	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SANH	AMD	76	1	7	55	69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	74	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN THANH	AMD	77	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM NGOC TUAN	AMD					60	KH-THAC	Vietnamese
17	DUONG VAN ĐÔNG	AMD	78-79	2	10		58	KH-THAC	Vietnamese
18	LE TRI TRUNG	AMD	75	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	8	9	68	553	40	8		
2	P9	4	6	49	309	0	0		
3	AMD	6	6	34	403	55	14		
TOTAL		18	21	151	1.265	95	22		
WEIGHT KG				151	1.265	95			

GRAND TOTAL: 1.511 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2022	TO: BK20 - PPD - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hạnh - NPhú - THU - Thánh	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN KHANG	BK20	21-22	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯƠNG TUÂN ANH	BK20	23	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ NGỌC TAM	BK20	30	1	12		88	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN NINH	BK20	28-29	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI XUÂN NGỌC	BK20	33-34	2	14		62	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM QUANG CHUNG	BK20	31-32	2	18		53	XAYLAP	Vietnamese
7	HOÀNG NGỌC SANG	BK20	25-27	3	18		55	XAYLAP	Vietnamese
8	TRỊNH THANH GIANG	BK20	24	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
9	HỒNG PHƯỚC SANG	PPD	45-48	4	18		63	T-TIN	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY THAI	P4	93	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	P4	42-43	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN MINH	P4	40-41	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN TÙNG	P4	98-99	2	10		55	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ XUÂN LẬP	P4	96	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC THỌ	P4	97	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐỖ DANH NGỌC	P4	38	1	12	30	78	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P4	36-37	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ HUY KHANH	P4	32-33	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN GIA HIỆU	P4	95	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN QUANG VIỆT	P4	34-35	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN ĐỒNG SƠN	P4	94	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
22	LƯU QUÝ DỪNG	P4	39	1	11		55	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	8	14	109	543	0	8		CHUYEN 2 PAX PPD-P4
2	PPD	1	4	18	63	0	0	2	
3	P4	13	19	183	858	30	14		
TOTAL		22	37	310	1.464	30	22		
WEIGHT KG				310	1.464	30			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	TO: HST - TGTH1 - AMD	CREW: Hoài - NKính	ETA: 13:30
TIM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DINH BAO CUONG	HST	63	1	6	35	59	TLJOC	Vietnamese
2	TRUONG VAN BA	HST	37,98	2	14		74	KH-THAC	Vietnamese
3	DO THE THANH	HST	66-67	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM TUAN CHUNG	HST	64	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
5	CONG DUC MINH TRI	HST	65	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
6	CHU DUC CHI	HST	68	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LA NGOC HOAN	TGTH1	73	1	10		72	HLJOC	Vietnamese
8	TRAN DUC CUONG	TGTH1	99	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN MANH HA	TGTH1	71	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VIET DUC	TGTH1	72	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
11	TRUONG THE KHAI	AMD	41	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH TAN	AMD	39	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ANH KHOA	AMD	88	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG TRUNG KIEN	AMD	38	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN HUU PHUOC	AMD	40	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
16	HU DUC VIET	AMD	87	1	5		73	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	89	1	4		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	6	8	59	422	35	4		
2	TGTH1	4	4	36	268	0	4		
3	AMD	7	7	50	474	0	11		
TOTAL		17	19	145	1.164	35	19		
WEIGHT KG				145	1.164	35			

GRAND TOAL: 1.344 KGS

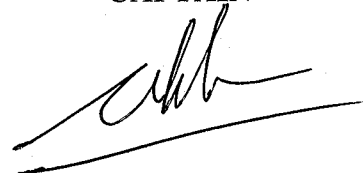
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2022	TO: CLI - CTK3 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TUYỀN - MTHAO - Toan	ETA: 13:50
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN HÒA	CLI	09	1	7		75	LONG VU	Vietnamese
2	ĐÌNH QUỐC TUÂN	CLI	11	1	5	22	55	LONG VU	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HÙNG	CLI	13	1	10	10	78	LONG VU	Vietnamese
4	LÊ TÂN QUANG	CLI	08	1	10		58	LONG VU	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MẠNH	CLI	12	1	7		63	LONG VU	Vietnamese
6	DƯƠNG NGỌC TUÂN	CLI	17-18	2	15		67	LONG VU	Vietnamese
7	CAO THANH DƯƠNG	CLI	05	1	10		82	LONG VU	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC PHI	CLI	06	1	6		77	LONG VU	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN DŨNG	CLI	07	1	7		72	LONG VU	Vietnamese
10	VĂN HUY HOÀN	CLI	15-16	2	15		68	LONG VU	Vietnamese
11	TRẦN LÝ BẢO	CLI	03-04	2	15		76	LONG VU	Vietnamese
12	ĐÌNH THAI SƠN	CLI	01	1	10	15	70	LONG VU	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HOANG ANH	CTK3	10	1	10		100	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC TUÔNG	CTK3	09	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TÂN PHONG	CTK3	11-12	2	12		81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	15	1	8	10	60	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH VƯƠNG	CTK3	08	1	6		103	ANTOAN	Vietnamese
18	DANG THANH HOANG	CTK3	17	1	10		75	SANBAY	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN THUẬT	CTK3	16	1	5		77	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐĂNG PHONG	CTK3	13	1	6		62	BA SON	Vietnamese
21	HUYNH XUÂN TRƯỞNG	P10	98	1	7		77	D-HANH	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒ QUANG	P10	200	1	10	35	58	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

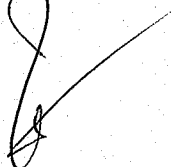
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	12	15	117	841	47	0		
2	CTK3	8	9	61	618	10	19		
3	P10	2	2	17	135	35	1		
TOTAL		22	26	195	1.594	92	20		
WEIGHT KG				195	1.594	92			

GRAND TOTAL: 1.881 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

